TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phan Thị Sơn - Ông Trần Đình Hải

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 448/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/01/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1986; Cư trú tại: Tổ A, ấp S, xã S, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn T, sinh năm 1978; Cư trú tại: Tổ A, ấp S, xã S, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A trình bày:*

Bà Nguyễn Thúy A và ông Phùng Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 17/8/2023.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung khiến ông bà không hòa giải được. Ông bà đã ly hôn một lần vào năm 2019, đến năm 2023 thì đăng ký kết hôn lại. Đến nay ông T, bà A đã sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với nhau.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà A yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Về tình cảm: Bà Nguyễn Thúy A đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Phùng Văn T.

+ Về con chung: Từ khi chung sống đến nay ông bà có có 02 con chung là cháu Phùng Văn T1, sinh ngày 16/5/2005 (đã trưởng thành) và cháu Phùng Ngọc T2, sinh ngày 09/8/2023. Sau ly hôn bà A đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Phùng Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Phùng Văn T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông T vẫn không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn giải quyết vụ án đã đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy A và ông Phùng Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 17/8/2023, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà A là có thật và bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong tính tình, không quan tâm, chia sẻ

với nhau và cả hai đã sống ly thân từ năm 2024. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà A, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà A.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Nhận thấy bà A và ông T có 02 con chung là cháu Phùng Văn T1, sinh ngày 16/5/2005 (đã trưởng thành) và cháu Phùng Ngọc T2, sinh ngày 09/8/2023.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn thì thấy cháu T2 đang sống chung với bà A và còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên yêu cầu của bà A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 là phù hợp. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà A giao cháu T2 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà A không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Phùng Văn T1 đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về vấn đề khác: Do ông T trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thúy A phải nộp án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy A đối ông Phùng Văn T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy A được ly hôn với ông Phùng Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thúy A và ông Phùng Văn T có 02 con chung là cháu Phùng Văn T1, sinh ngày 16/5/2005 (đã trưởng thành) và cháu

Phùng Ngọc T2, sinh ngày 09/8/2023. Sau ly hôn, buộc ông Phùng Văn T giao cháu Phùng Ngọc T2 cho bà Nguyễn Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phùng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thúy A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002312 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà A đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- UBND xã Sông Xoài;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Bảo Ngọc